

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ & QUẢN TRỊ KINH DOANH



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Tiếng Anh chuyên ngành

Mã số: BEN421

Số tín chỉ: 04

Khoa: Marketing, Thương mại và Du lịch

Bộ môn phụ trách: Kinh doanh Quốc tế

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ & QTKD
KHOA: MARKETING, THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH
Bộ môn phụ trách: Kinh doanh Quốc tế

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Tiếng Anh chuyên ngành

Mã học phần: BEN421

2. Tên Tiếng Anh: Business English

3. Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1/6) (2 tín chỉ lý thuyết, 1 tín chỉ thực hành/thảo luận, 6 tín chỉ tự học)

4. Điều kiện tham gia học tập học phần

Môn học tiên quyết:.....

Môn học trước:.....

Khác:.....

5. Các giảng viên phụ trách học phần

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Trần Nhuận Kiên	0976626611	tnkien@tueba.edu.vn
2	TS. Bùi Thị Minh Hằng	0905592750	buithiminhhang@tueba.edu.vn
3	TS. Vũ Thị Oanh	0985981515	vtoanh@tueba.edu.vn
4	TS. Đoàn Quang Huy	0912296333	doanquanghuy@tueba.edu.vn
5	ThS. Phạm Thuỳ Linh	0988251275	phamthuylinh@tueba.edu.vn
6	TS. Đỗ Thị Thuỳ Linh	0988596159	dtlinh@tueba.edu.vn
7	ThS. Phạm Hoàng Linh	0904900396	phlinh@tueba.edu.vn
8	ThS. Trần Thị Phương Thảo	0911221266	ttpthao@tueba.edu.vn
9	ThS. Đàm Thị Thanh Huyền	0987145511	dtthuyen@tueba.edu.vn

6. Mô tả học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về kinh doanh quốc tế, thương mại quốc tế, quản trị kinh doanh. Học phần bao gồm bốn kỹ năng tiếng Anh về nghe, nói, đọc và viết, giúp cải thiện phát âm và xây dựng kiến thức và vốn từ vựng trong lĩnh vực kinh doanh và kinh tế. Bằng việc cung cấp cho người học kiến thức ở cả góc độ vĩ mô và vi mô, học phần trang bị kiến thức tổng hợp từ nhiều khía cạnh. Học phần này đặc biệt hữu

ích cho những người cần sử dụng tiếng Anh trong công việc hàng ngày, cần có thêm kiến thức và kinh nghiệm về môi trường kinh doanh.

7. Mục tiêu học phần

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT	Trình độ năng lực
G1	Sinh viên học môn học sẽ nắm được các từ vựng và kiến thức cơ bản về kinh doanh, kinh tế cũng như những vấn đề liên quan đến giao dịch trong môi trường quốc tế	1.1, 1.3	3
G2	Sử dụng tốt ngoại ngữ trong giao tiếp, đàm phán với các đối tác nước ngoài; Giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng đàm phán và thuyết phục	2.1, 2.2	4
G3	Sinh viên có khả năng tự học và phân tích, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện giao dịch thương mại quốc tế, nhất là tại các công ty nước ngoài	3.1, 3.3	4

8. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra HP	Mô tả <i>Sau khi học xong môn học này, người học có thể:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT	Trình độ năng lực
G1	G1.1 Biết và nhớ các từ vựng chuyên ngành thương mại quốc tế	1.1	3
	G1.2 Hiểu và nắm được các kiến thức cơ bản về thương mại quốc tế	1.3	4
	G1.3 Vận dụng các kiến thức vào thực tế giao dịch thương mại quốc tế	1.3	5
G2	G2.1 Sử dụng tốt ngoại ngữ trong giao tiếp, đàm phán với các đối tác nước ngoài	2.1	4
	G2.2 Giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình, đàm phán thuyết phục	2.2	5
G3	G3.1 Có khả năng tự học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và năng lực của bản thân	3.1	4
	G3.2 Phân tích, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện các hoạt động thương mại quốc tế	3.3	4

9. Nhiệm vụ của sinh viên

9.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Nghiên cứu tài liệu học tập.

9.2. Phần thực hành, tiểu luận

- Hoàn thành các bài tiểu luận theo yêu cầu.

10. Tài liệu học tập

- Sách, giáo trình chính:

1. Bài giảng chi tiết môn học do tập thể giảng viên Bộ môn Kinh tế quốc tế biên soạn
2. Lý Lan Hương, Nguyễn Thị Bích Ngọc (2007). Giáo trình tiếng Anh chuyên ngành thương mại I: Dùng trong các trường THCN (English for business 1– Intensive Reading). NXB Hà Nội.
3. MacKenzie, I. (2010). English for Business Studies: A course for Business Studies and Economics Students – Third Edition. Cambridge University Press

- Tài liệu tham khảo:

1. Trần Thị Phương Mai (2007). Giáo trình tiếng Anh chuyên ngành thương mại II: Dùng trong các trường THCN (English for business 2 – Intensive Listening). NXB Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Diệu Linh (2007). Giáo trình tiếng Anh chuyên ngành thương mại III: Dùng trong các trường THCN (English for Business 3 - Intensive Reading). NXB Hà Nội.
3. Nguyễn Thị Diệu Linh (2007). Giáo trình tiếng Anh chuyên ngành thương mại III: Dùng trong các trường THCN (English for Business 3 - Intensive Listening). NXB Hà Nội.

11. Nội dung giảng dạy chi tiết

Tiết	Nội dung giảng dạy (Ghi chi tiết đến từng mục nhỏ của từng chương)	Chuẩn đầu ra học phần (CDR đạt được khi kết thúc chương)	Trình độ năng lực (TĐNL đạt được khi kết thúc chương)	Phương pháp dạy học (Thuyết giảng, thảo luận nhóm...)	Phương pháp đánh giá (Kiểm tra quá trình, trắc nghiệm, thuyết trình nhóm,...)
1,2	Chương 1: Background to business 1.1. What is business?	G1.1; G1.2;	3 4	Lý thuyết	Kiểm tra quá trình

3,4	1.2. Economic resources	G1.1; G1.2;	3 4	Lý thuyết	Kiểm tra quá trình
5,6	Chương 2: Economics 2.1. Government and Taxation	G1.1; G2.1; G3.1	3 4 4	Lý thuyết	Kiểm tra quá trình
7,8	2.2. Corporate Social Responsibility (CSR)	G1.3; G2.2; G3.1	5 5 4	Lý thuyết	Bài tập
9	2.3. Economics & Ecology	G1.1; G1.2	3 4	Thảo luận	Kiểm tra quá trình
10	Chương 3: International business 3.1. International negotiation	G1.1; G3.1	3 4	Lý thuyết	Kiểm tra quá trình
11, 12	3.2. Importing and exporting	G1.3; G2.2; G3.1.	5 5 4	Thảo luận	Tiểu luận
13	3.3. International deliveries	G1.1; G2.2; G3.1.	3 5 4	Lý thuyết	Kiểm tra quá trình
14, 15	Chương 4: Foreign Trade 4.1. International trade	G1.1; G2.2;	3 5	Lý thuyết	Kiểm tra quá trình
16, 17	4.2. Exchange rates' function	G2.2; G3.2.	5 4	Thảo luận	Tiểu luận
18, 19	4.3. Trade surpluses and deficits	G2.2; G3.2.	5 4	Lý thuyết	Kiểm tra quá trình
20,	Chương 5: Efficiency	G1.1;	3	Lý thuyết	Kiểm tra quá

21	and Employment 5.1. World population growth	G1.2;	4		trình
22, 23	5.2. Personnel	G1.1; G1.2;	3 4	Lý thuyết	Kiểm tra quá trình
24, 25	5.3. Unemployment	G2.2; G3.2	3 5	Lý thuyết	Kiểm tra quá trình
26- 28	Kiểm tra giữa kỳ				
29, 20	Chương 6: Production 6.1. Production	G1.1; G1.2;	3 4	Lý thuyết	Kiểm tra quá trình
31, 32	6.2. Logistics	G1.1; G1.2;	3 4	Lý thuyết	Kiểm tra quá trình
33, 34	6.3. Quality	G2.2; G3.2	5 4	Lý thuyết	Kiểm tra quá trình
35, 36	Chương 7: Business structure and organization 7.1. Company structure	G1.2; G1.3;	4 5	Lý thuyết	Kiểm tra quá trình
37, 38	7.2. The business cycles	G1.1; G1.2	3 4	Lý thuyết	Bài tập
39, 40	Chương 8: Marketing 8.1. Products	G1.1; G3.1	3 4	Thảo luận	Kiểm tra quá trình
41, 42	8.2. Marketing	G1.3; G2.2;	5 5	Lý thuyết	Kiểm tra quá trình
	8.3. Advertising	G1.1; G3.1	3 4	Lý thuyết	Kiểm tra quá trình
43, 44	Chương 9: Finance & Banking	G1.1;	3	Lý thuyết	Kiểm tra quá trình

	9.1. Banking	G2.2;	5		
45, 46	9.2. Bonds, Stocks and Shares	G2.1; G3.1.	4 4	Thảo luận	Kiểm tra quá trình
47, 48	9.3. Accounting & Financial Statements	G1.3; G3.2.	5 4	Lý thuyết	Kiểm tra quá trình
49, 50, 51	Chương 10: Presentation in Business 10.1. Good oral presentation	G1.3; G2.2;	5 5	Thuyết trình nhóm	Tiểu luận
52, 53, 54	10.2. Professional Emails, Letters and Reports	G2.2; G3.2;	5 4	Thảo luận	Kiểm tra quá trình

12. Đánh giá kết quả học tập

12.1. Thang điểm: 10

12.2. Đánh giá quá trình: 50%, trong đó:

Kiểm tra thường xuyên: 30%

Kiểm tra giữa kỳ: 20%

12.3. Thi kết thúc học phần: 50%

12.4. Kế hoạch kiểm tra, đánh giá:

Hình thức kiểm tra	Nội dung	Thời điểm	CĐR đánh giá	Trình độ năng lực	Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ %
Bài tập	Kiểm tra thường xuyên	Tiết 8	G1.1 G2.1.	3 4	Bài tập về nhà	10
Tiểu luận/ thuyết trình	Kiểm tra thường xuyên	Tiết 16	G1.3 G2.1	5 4	Thuyết trình nhóm	10
Thảo luận nhóm	Kiểm tra thường xuyên	Tiết 39	G3.1 G3.2	4 4	Bài tập nhỏ trên lớp	10

Tự luận	Kiểm tra giữa kỳ	Tiết 26, 27, 28	G1.1 G2.1 G3.1	3 4 4	Kiểm tra viết	20
Tự luận	Thi cuối kỳ - Nội dung bao quát tất cả các CDR quan trọng của môn học. - Thời gian làm bài 90 phút. (Được mang từ điển giấy).	Cuối học kỳ	G1.1 G1.2 G1.3 G2.1 G2.2 G3.2	3 4 5 4 5 4	Kiểm tra viết	50

**Ghi chú: đối với mỗi nội dung đánh giá, cần lựa chọn một trong các hình thức, phương pháp đánh giá, theo gợi ý sau:*

- Hình thức đánh giá: tự luận; bài tập, thảo luận nhóm, bài tập lớn, tiểu luận,...
- Phương pháp đánh giá: Kiểm tra viết, KT trắc nghiệm, thuyết trình nhóm, bài tập nhỏ trên lớp, báo cáo tiểu luận,...

12.5. Bảng đối chiếu các chuẩn đầu ra học phần được đánh giá

CDR học phần	Hình thức kiểm tra						
	Tiểu luận	Bài tập	...	Thảo luận nhóm	...	KT giữa kỳ	Thi kết thúc HP
G1.1		x		x		x	x
G1.2		x					x
G1.3	x	x		x			x
G2.1				x		x	x
G2.2	x	x		x			x
G3.1	x	x		x		x	
G3.2	x			x			x

13. Các yêu cầu đối với người học:

- Đạo đức nghiên cứu khoa học: Các bài tập ở nhà và bài tiểu luận phải được thực hiện từ chính bản thân sinh viên. Nếu bị phát hiện có sao chép thì xử lý các sinh viên có liên quan bằng hình thức đánh giá **0** (không) điểm quá trình và cuối kỳ.

- Thời gian tham gia trên lớp: Đi học đúng giờ và đầy đủ các buổi, nếu nghỉ học phải xin phép giáo viên trước và phải có lý do kèm minh chứng.

- Thái độ học tập và ứng xử: Tôn trọng, lễ phép, không làm việc riêng, không ăn uống trong giờ, không gây ảnh hưởng tiêu cực đến lớp học.

14. Ngày phê duyệt lần đầu: 22 tháng 06 năm 2020

15. Cấp phê duyệt:

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NHÓM BIÊN SOẠN

PGS.TS. Nguyễn Thị Gấm

PGS.TS. Nguyễn Thị Gấm

TS. Đỗ Thị Thùy Linh

16. Tiến trình cập nhật ĐCCT

Lần 1: Tóm tắt nội dung cập nhật ĐCCT lần 1: ngày tháng năm	<người cập nhật ký và ghi rõ họ tên) Trưởng Bộ môn:
Lần 2: Tóm tắt nội dung cập nhật ĐCCT lần 2: ngày tháng năm	<người cập nhật ký và ghi rõ họ tên) Trưởng Bộ môn: